



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

ĐỊA CHỈ: 18 PHẠM HÙNG, HÀ NỘI
ADDRESS: 18 PHAM HUNG ROAD, HA NOI
DIỆN THOẠI/ TEL: +84 4 3 7684701
FAX: +84 4 3 7684779
EMAIL: vr-id@vr.org.vn
WEB SITE: www.vr.org.vn

THÔNG BÁO KỸ THUẬT TÀU BIỂN
TECHNICAL INFORMATION ON SEA-GOING SHIPS

Ngày 06 tháng 02 năm 2017
Số thông báo: 004TI/17TB

Nội dung: Văn bản số 411/ĐKVN-TB ngày 06/02/2017 của Cục Đăng kiểm Việt Nam về kiểm tra tăng cường đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế.

Kính gửi: Các chủ tàu/ công ty quản lý tàu biển
Các đơn vị Đăng kiểm tàu biển

Ngày 06/02/2017, Cục Đăng kiểm Việt Nam có Văn bản số 411/ĐKVN-TB về kiểm tra tăng cường đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế (văn bản đính kèm). Theo đó, để triển khai thực hiện Quyết định số 3411/QĐ-BGTVT ngày 01/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án "Duy trì đội tàu biển Việt Nam trong Danh sách trắng - xám của Tokyo-Mou", Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ thực hiện kiểm tra tăng cường đối với các tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế có GT từ 500 trở lên từ ngày 15/02/2017 đến hết ngày 31/12/2017 theo các nội dung được nêu trong Văn bản số 411/ĐKVN-TB.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>.

Nếu Quý Đơn vị cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Phòng Tàu biển (TB)

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: + 4 37684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +4 37684722

Thư điện tử: taubien@vr.org.vn; bangph@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Đơn vị lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB, QP, CN, CTB, VRQC, TTTH;
- Các chi cục Đăng kiểm tàu biển;
- Lưu TB./.

Số: 411/ĐKVN-TB

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

V/v: kiểm tra tăng cường đối với tàu biển
Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế.

Kính gửi:

- Các công ty vận tải biển quốc tế;
- Các đơn vị đăng kiểm tàu biển.

Trong năm 2016 tình hình tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC tại khu vực Tokyo-MOU diễn biến theo chiều hướng xấu so với năm 2014 và 2015. Số lượng/tỷ lệ tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC trong năm 2016 là 30/4,04% (số liệu tương ứng của năm 2014 và 2015 lần lượt là 26/3,55% và 20/2,77%). Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 06/02/2017 đã có thêm 03 lượt tàu Việt Nam bị lưu giữ PSC tại Trung Quốc, Indonesia và Fiji với tỷ lệ lưu giữ xấp xỉ 4,0%.

Triển khai thực hiện Quyết định số 3411/QĐ-BGTVT ngày 01/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án "Duy trì đội tàu biển Việt Nam trong Danh sách trắng - xám của Tokyo-Mou", Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra tăng cường đối với các tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế như sau:

1. Thời gian thực hiện: từ ngày 15/02/2017 đến hết ngày 31/12/2017.
2. Đối tượng kiểm tra: tất cả các tàu hoạt động tuyến quốc tế có GT từ 500 trở lên.
3. Thời điểm kiểm tra: tại tất cả các đợt kiểm tra, đánh giá phân cấp và theo luật của tàu, bao gồm cả kiểm tra, đánh giá bất thường, kiểm tra, đánh giá tàu theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải hoặc sau khi tàu bị lưu giữ PSC; kể cả tại các đợt đánh giá ISM, ISPS, MLC.
4. Biểu mẫu sử dụng: Danh mục tổng kiểm tra (mẫu PSC.CL) và Báo cáo kiểm tra (mẫu SMS.IR) đính kèm. Tất cả các khiếm khuyết có thể dẫn đến việc tàu bị lưu giữ phải được khắc phục triệt để trước khi cấp mẫu PSC.CL/SMS.IR cho tàu và cấp/xác nhận các giấy chứng nhận liên quan cho tàu hoạt động.
5. Lưu ý tại các đợt đánh giá hệ thống quản lý an toàn (ISM), hệ thống an ninh tàu (ISPS) và lao động hàng hải (MLC): nếu đánh giá viên phát hiện các khiếm khuyết kỹ thuật có nguy cơ dẫn đến tàu bị lưu giữ PSC thì phải lập báo cáo sự không phù hợp theo quy định và gửi về Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn (VRQC) để phối hợp với Phòng Tàu biển chỉ đạo các đơn vị đăng kiểm kiểm tra, khắc phục trước khi tiếp tục cấp/xác nhận các giấy chứng nhận liên quan cho tàu hoạt động. Trung tâm VRQC đánh giá mức độ thực hiện hệ thống quản lý an toàn thông qua các khiếm khuyết trong báo cáo SMS.IR và đề xuất, chỉ đạo thực hiện biện pháp thích hợp, bao gồm cả đánh giá bổ sung tàu và công ty.

6. Gửi báo cáo kiểm tra cho Cục Đăng kiểm Việt Nam: trong thời gian 24h00 sau khi cấp, đơn vị đăng kiểm gửi mẫu PSC.CL và SMS.IR về địa chỉ: hainv@vr.org.vn; bangph@vr.org.vn; taubien@vr.org.vn; vrqc@vr.org.vn và truongpt@vr.org.vn.

7. Phân tích và tổng hợp số liệu: căn cứ mẫu PSC.CL và SMS.IR do các đơn vị đăng kiểm gửi về, hàng tháng Phòng Tàu biển chủ trì, phối hợp với Trung tâm VRQC tiến hành phân tích và tổng hợp xu hướng, nguyên nhân các khiếm khuyết để đề xuất các hành động khắc phục, phòng ngừa cần thiết và thông báo cho các bên liên quan. Trong quý I/2018, Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ công bố báo cáo tổng hợp về kiểm tra tăng cường tàu biển hoạt động tuyến quốc tế năm 2017.

Việc thực hiện các biện pháp làm giảm thiểu tàu biển bị lưu giữ PSC và duy trì đội tàu biển Việt Nam trong Danh sách trắng - xám của Tokyo-Mou là rất quan trọng và cấp thiết, Cục Đăng kiểm Việt Nam đề nghị các công ty vận tải biển quốc tế có sự hợp tác chặt chẽ trong quá trình thực hiện kiểm tra tăng cường nêu trên.

Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo đến các Quý Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Cục trưởng (để c/d);
- Các phòng TB, QP, CN, VRQC (để t/h);
- Lưu VP, TB.

CỤC TRƯỞNG



Trần Kỳ Hình



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

DANH MỤC TỔNG KIỂM TRA
Inspection Checklist

Giảm nguy cơ tàu bị lưu giữ PSC
Reducing the risk of PSC detentions

Số báo cáo Checklist No.	Tên tàu Ship's name	Số IMO IMO Number	Kiểu tàu Type of Ship
Nơi kiểm tra Place	Ngày Date	Chủ tàu/ Công ty quản lý Shipowner/ Company	

Ghi chú



: Hạng mục phải chụp ảnh.



: Hạng mục phải thử bằng búa

Điền cột kết quả: "X": Thỏa mãn

"D": Khiếm khuyết được phát hiện và khắc phục hoàn toàn

"R": Đưa khuyến nghị trong mẫu RNI

"-": Không áp dụng

DANH MỤC TỔNG KIỂM TRA

1	Văn phòng tàu/ Buồng thuyền trưởng		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
1.1	Giấy chứng nhận	Hiệu lực, nội dung	
1.2	Thông báo ổn định, hướng dẫn xếp tải	Bản chính có trên tàu	
1.3	File báo cáo kiểm tra (chỉ áp dụng cho ESP)	Báo cáo kiểm tra của VR. Báo cáo đo chiều dày. Chương trình kiểm tra	
1.4	SOPEP	Danh mục địa chỉ liên lạc được cập nhật. SOPEP được Chính quyền phê duyệt	
1.5	Nhật ký dầu/ nhật ký rác	Ghi chép chính xác (so sánh nhật ký đo kết và nhật ký dầu) Lượng cặn dư sau khi đốt (chuyển lên bờ/ giữ trên tàu)	
1.6	Kế hoạch quản lý rác	Có trên tàu	
1.7	LL.CD, SE.APA/SE.APB,	Có trên tàu Cập nhật các thay đổi, trang bị bổ sung...	
2	Buồng lái		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
2.1	Hải đồ & Thông báo cho người đi biển	Hải đồ của cảng tới có trên tàu. Phiên bản mới nhất và các tu chỉnh nhỏ	

2.2	Ấn phẩm hàng hải	Danh mục đèn Lịch thủy triều Hướng dẫn hành hải (Sailing Direction) Tu chính nhỏ Sổ tay IAMSAR	
2.3	Nhật ký boong	Bản ghi huấn luyện (rời tàu/cứu hỏa/lái sự cố/ vào không gian kín...)	
2.4	Phao áo	Đèn, kẻ chữ, tình trạng bên ngoài, phê duyệt của CQHH	
2.5	La bàn từ chuẩn	Chiếu sáng, không có bọt, bảng độ lệch	
2.6	VHS, MF/HF	BQ/RQ test/ Nguồn dự phòng và báo cáo Hoạt động	
2.7	EPIRB	Báo cáo thử Hạn thiết bị nhà thủy tĩnh Vị trí	
2.8	AIS, Đo sâu, VDR	Hoạt động tốt	
2.9	Báo động nước xâm nhập (nếu có)	Hoạt động Chỉ báo	
2.10	Đèn tín hiệu ban ngày	Hoạt động bằng nguồn sự cố Hoạt động tại cả 2 mạn Ắc quy di động và tối thiểu 3 bóng dự phòng (tàu đặt ký vào hoặc sau ngày 01.07.2002)	
2.11	Báo động và phát hiện cháy	Hoạt động Hoạt động bằng nguồn sự cố Báo động trong 2 phút Khoảng cách giữa các điểm báo cháy bằng tay	
2.12	Cảm biến cháy	Thử cảm biến Báo động ánh sáng/âm thanh Khoảng cách giữa các cảm biến	
2.13	Bảng đèn hàng hải	Thử báo động Đèn hoa tiêu Hoạt động bằng nguồn sự cố	
2.14	Đèn sự cố	Hoạt động Không có hư hỏng	
2.15	ECDIS	Thử hoạt động Phiên bản hải đồ điện tử	
2.16	Lịch trực ca	Lịch trực ca và quy trình được lập và treo trên buồng lái	
3	Cánh gà lầu lái		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
3.1	Phao nhả nhanh	Đèn tự sáng Ngày hết hạn Kiểu bố trí (kiểm tra việc nhả có rơi được xuống nước ?)	
3.2	Đèn hàng hải	Sơn đen Góc chiếu sáng Không hư hỏng, đèn bị bám sơn bẩn Dây dẫn điện không bị lão hóa (hardened, cracked), mắt thanh đỡ, giá đỡ	

4	Bên ngoài thượng tầng		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
4.1	Buồng ắc quy	Ắc quy dự phòng cho GMDSS Trang bị nạp  Cáp nối Đèn phòng nổ Thông hơi, thông gió	
4.2	Buồng máy phát sự cố	Hoạt động  Đồng hồ đo  Van cách ly từ kết nhiên liệu Lượng nhiên liệu (18 giờ hoạt động) Thử mất điện toàn tàu (blackout test) Bọc chống cháy Thông hơi (mạn khô)	
4.3	Thông gió buồng máy và chặn lửa ống khói	Hoạt động của cánh chặn lửa/ mòn rỉ Bảo dưỡng, lưu ý tiêu chuẩn khe hở của nhà sản xuất (dựa trên cơ sở khe hở khi chế tạo là 3-4 mm) Kiểm tra bằng mắt cánh chặn lửa Rò rỉ đường hơi điều khiển Mọt, thủng Các symbol	
4.4	Kho sơn	Bố trí chữa cháy, nếu chữa cháy bằng nước Vị trí đặt bình chữa cháy Lỗ xả khí chữa cháy	
5	Phương tiện cứu sinh và bố trí hạ		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
5.1	Bè cứu sinh tự thổi	Thiết bị nhà thủy tĩnh (HRU) Khả năng di chuyển (nếu áp dụng) 1 HRU cho mỗi bè (tàu đặt ký vào hoặc sau 01.07.1998) Cách thức liên kết (weak link, painter..)	
5.2	Kiểm tra hàng năm do cơ sở bảo dưỡng thực hiện	Chứng chỉ của kỹ thuật viên Báo cáo không còn khuyến nghị	
6	Bên trong thượng tầng		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
6.1	Cửa tự đóng	Không có móc giữ Hoạt động	
6.2	Bọc cách nhiệt	Không mất/ thiếu/ bong tróc	
6.3	Hệ thống chữa cháy cố định bằng CO ₂	Lượng công chất trong bình Ngày thử áp lực Thuyền viên thông thạo thao tác Bọc cách nhiệt buồng CO ₂ . Chiều cao bên trong, bên ngoài của ống thông hơi buồng CO ₂ Vị trí chốt an toàn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Các đường ống dẫn, hư hỏng, biến dạng	
6.4	Cảm biến cháy	Thử cảm biến Báo động âm thanh/ ánh sáng Số lượng cảm biến	

6.5	Van cách ly	Vị trí Bộ phận chuyển động Đánh dấu vị trí đóng mở	
6.6	Bộ đồ người chữa cháy	Cất giữ riêng biệt Hạn và trọng lượng bình khí nén (cả bình dự trữ) Hoạt động Phụ kiện/ đèn Thuyền viên thông thạo cách mặc bộ đồ chữa cháy	
7	Boong chính và khoang hàng (tàu hàng tổng hợp và tàu hàng rời)		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
7.1	Bích nổi bờ quốc tế	Duy trì các hạng mục yêu cầu	
7.2	Thông gió	Hoạt động của cánh chặn lửa/ mòn rỉ Ống thông gió, nắp đậy Đặc biệt lưu ý kiểm tra tình trạng tất cả các cánh chặn lửa và thông gió khoang hàng tàu Ro-Ro Các ký hiệu có liên quan	
7.3	Thông hơi	Ống thông hơi (mòn rỉ / thùng) Bóng nổi Chiều cao	
7.4	Đường ống nước chữa cháy	Thùng/rò rỉ Mòn rỉ Chuyển động của van Đắp vá	
7.5	Súng phun bột và van (nếu có)	Hoạt động của các bộ phận chuyển động Thử phun nước	
7.6	Boong chính	Mòn rỉ/ thùng/ nứt Tình trạng sơn Biến dạng, lồi lõm Mất ổn định tầm	
7.7	Lỗ xuống không gian bên dưới	Kín thời tiết Cơ cấu đóng Mòn rỉ/ thùng	
7.8	Nắp khoang hàng	Mòn rỉ/ thùng Thiết bị làm kín Kín thời tiết (thử vòi rồng)	
7.9	Miệng quây khoang hàng, mã, nẹp	Mòn rỉ/ thùng/ nứt Nứt "Đắp xi măng, dán băng dính"	
7.10	Mạn chắn sóng và lan can	Mòn rỉ/ thùng Nứt, cong, vênh, biến dạng Không đủ chiều cao; thiếu mã chống	
7.11	Cơ cấu giữ nắp khoang hàng	Mòn rỉ/ thùng Khe hở	
7.12	Đường ống cứu hỏa cố định CO ₂	Mòn rỉ/ thùng Nứt	
7.13	Các khoang hàng – Kiểm tra trạng thái chung	Mòn rỉ/ thùng (chú ý mặt dưới boong giữa 2 khoang hàng) Rò rỉ Sửa chữa tạm thời bởi thuyền viên (hàn lại hoặc tẩm ốp) Tẩm boong tại góc miệng khoang hàng	

7.14	Các lỗ thoát nước của miệng quây hầm hàng (Drain pipe)	Không kín, mất, hỏng van một chiều	
7.15	Các lỗ thoát nước mặt boong	Kẹt do các vật cản rơi vào	
7.16	Đường ống thủy lực trên tất cả các boong	Rò rỉ Thiếu mất các tai đỡ	
7.17	Các hộp đi dây điện trên boong	Mòn rỉ Thủng...	
7.18	Các khay hứng dầu trên boong	Thủng Thiếu bu lông/chốt lỗ xả	
8	Boong dăng mũi		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
8.1	Thông gió	Hoạt động của cánh chặn lửa/ mòn rỉ Ống thông gió, nắp đậy ➤ Các ký hiệu có liên quan	
8.2	Thông hơi	Ống thông hơi (rò rỉ) ➤ Bóng nổi Chiều cao Nứt, thủng. Không thỏa mãn tính kín nước	
8.3	Lỗ xuống không gian bên dưới	Kín thời tiết Cơ cấu đóng Mòn rỉ/ thủng ➤ Thiết bị làm kín Tay vịn, lan can, bậc để chân (mòn, rỉ, thiếu, mất...)	
8.4	Đèn hàng hải	Góc chiếu sáng Không hư hỏng Dây dẫn điện không bị lão hóa (hardened, cracked), mất thanh đỡ, giá đỡ	
8.5	Bệ của tời neo/tời dây	Mòn rỉ/thủng ➤ Hệ thống hãm/phanh Tình trạng của trống cuộn dây Khay hứng dầu, lỗ thoát	
8.6	Hệ thống hút khô các khoang mũi (nếu có)	Hệ thống kiểm soát từ xa Thử hoạt động cảm biến	
9	Kho mũi		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
9.1	Ống dẫn xích và ống thông hơi của F.P.T	Mòn rỉ/thủng (dấu vết rò rỉ) ➤ (Lưu ý chân ống)	
9.2	Tôn vách hầm xích	Mòn rỉ/thủng ➤	
9.3	Boong dăng mũi/cửa kín thời tiết/ tôn sàn, vách	Không có ánh sáng lọt từ ngoài vào	
9.4	Phao áo	Đèn Tên tàu, cảng đăng ký Tình trạng của áo Duyệt bởi Chính quyền Nếu là loại mặc cùng với quần áo bơi thì phải kiểm soát số lượng	
9.5	Quần áo bơi cách nhiệt	Hình thức, mục thủng, ký hiệu Khả năng sử dụng (mặc) của thuyền viên	

10	Buồng dâng đuôi		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
10.1	Đèn hàng hải (gồm cả đèn neo đuôi)	Góc chiếu sáng Không hư hỏng Dây dẫn điện không bị lão hóa (hardened, cracked), mất thanh đỡ, giá đỡ	
10.2	Thông hơi	Ống thông hơi (dấu vết rò rỉ)  Bóng nổi Chiều cao Nứt, thủng. Không thỏa mãn tính kín nước	
10.3	Lỗ xuống không gian bên dưới	Tính kín thời tiết Thiết bị đóng Mòn rỉ/thủng  Thiết bị làm kín Tay vịn, lan can, bậc để chân (mòn, rỉ, thiếu, mất...)	
11	Buồng máy lái & Buồng bơm cứu hỏa sự cố		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
11.1	Đèn chiếu sáng sự cố	Thử hoạt động Không hư hỏng	
11.2	Máy lái	Hệ thống hút khô Két dầu L.O & báo động bơm dầu thủy lực Máy lái sự cố Vệ sinh buồng máy lái Chân các ống thông hơi đi qua buồng máy lái	
11.3	Bơm cứu hỏa sự cố	Khởi động (vài lần nếu có thể, hướng dẫn khi khởi động bơm tại chiều chìm thấp. Thử cả chức năng tự hút và bơm chân không) Áp suất hút  Hai vị trí vòi rồng (mũi, lầu lái) Bảo vệ đường ống hút hoặc đường ống đẩy xuyên qua buồng máy Tình trạng đường ống khí xả Sàn buồng bơm động nước Rò nước ở đầu bơm Loại bỏ đường ống mồi trên đường ống hút (nếu có)	
12	Buồng máy		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
12.1	Cảm biến cháy	Thử cảm biến Báo động âm thanh/ánh sáng	
12.2	Bình cứu hỏa xách tay	Ngày nạp công chất Thử chức năng (mẫu) Ngày thử áp lực Vị trí bố trí so với Sơ đồ phòng chống cháy (Fire Control Plan)	
12.3	Bình cứu hỏa di động	Ngày nạp công chất Thử chức năng (mẫu) Ngày thử áp lực Vị trí bố trí so với Sơ đồ phòng chống cháy (Fire Control Plan) Chiều dài vòi phun (hose)	

12.4	Lối thoát hiểm sự cố	Tình trạng bọc cách nhiệt  Cửa tự đóng Đèn chiếu sáng sự cố Luôn được chiếu sáng bằng nguồn điện chính (Đối với tàu hay vào Trung Quốc, cần lưu ý thêm dây bám) Lưu ý khoảng rộng 800x800 Lưu ý cách nhiệt ở sàn lối thoát	
12.5	Đèn chiếu sáng sự cố	Thử hoạt động Không hư hỏng Thử mất nguồn điện chính, tự động nhảy sang nguồn sự cố	
12.6	Đóng nhanh/ Ngắt van	Tình trạng hoạt động Có sự cố kẹt không Cần lưu ý số lượng van đóng nhanh	
12.7	Cách nhiệt	Không bị mất Không bị hỏng/ thiếu (Cách nhiệt: khu vực có nhiệt độ cao, đường ống dầu nhiên liệu và mối nối, ống hơi) Sửa chữa/thay thế khu vực được sửa chữa tạm thời (như xi măng, chằng buộc tạm thời)	
12.8	Ống lồng của dầu cao áp	Không hư hỏng Bảo động dầu rò	
12.9	Thiết bị lọc dầu	Bảo động 15ppm Tự động dừng Vệ sinh bên trong đường ống thoát (cleaning outlet pipe inside) Thiết bị lọc và tình trạng bên trong Sử dụng thiết bị lọc của nhà sản xuất & thiết bị lọc dự phòng Sự thông thạo của thuyền viên đối với thiết bị (thử hoạt động và thử báo động) Đóng van xả mạn Bích nối tiêu chuẩn (kích thước bích) Treo hướng dẫn sử dụng Loại bỏ các ống mềm (nếu có)	
12.10	Đường ống xả trực tiếp nước la canh lẫn dầu	Phải tháo bỏ nếu có	
12.11	Sàn buồng máy (Sạch sẽ)	Lượng nước la canh  Phải chuyển lên bờ nếu nhiều Rò nước/dầu đối với máy chính/máy phụ Không có chất cặn thừa và giẻ dầu Không có dầu rò từ các két dầu nhiên liệu (Xác nhận lỗ xả đáy)	
12.12	Thiết bị xử lý nước thải	Báo động mức Hoạt động bơm Sự thông thạo của thuyền viên đối với thiết bị (thử hoạt động và thử báo động) Ống thông hơi và đường tuần hoàn Xác nhận bản tính toán xả thải Bích nối tiêu chuẩn (kích thước bích) Loại bỏ tất cả các loại ống mềm	

13	Không gian khác		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
13.1	Kho sơn	Bình cứu hỏa Đèn phòng nổ Thông gió Sơn đặt tại khu vực quy định Bố trí chữa cháy, nếu chữa cháy bằng nước Vị trí đặt bình chữa cháy Lỗ xả khí chữa cháy	
14	ISM, ISPS	Báo cáo và danh mục SMS của VRQC	

Đăng kiểm viên/ Surveyor
 (Ký tên, đóng dấu/ Signature and stamp)



BÁO CÁO KIỂM TRA SMS *SMS Inspection Report*

Surveyor:

Department/ Bộ phận:

Mobile/ ĐT:

Email:

Place of inspection/ Nơi kiểm tra:

Date of inspection/ Ngày kiểm tra:

1. Thông tin chung/ General information

Ship's name Tên tàu	IMO Number Số IMO	Flag Quốc tịch	Company Tên Công ty
			Name*: IMO No.: Address*:

Ghi chú/ Note: * ghi theo DOC-SMC/ corresponding with DOC-SMC

SMC No. Số SMC	Date of issue Ngày cấp	Issued by Cấp bởi	DOC No. Số DOC	Date of issue Ngày cấp	Issued by Cấp bởi
Last date of SMC audit/Ngày đánh giá SMC gần nhất:					

2. Category of Critical Deficiency/ Phân loại khiếm khuyết nghiêm trọng:

Kỹ thuật/ Technical	Hoạt động/ Operational	Tài liệu/ Documentation	Khác/ Other
☐	☐	☐	☐

3. Details of Critical Deficiency/ Mô tả chi tiết:

4. The Reported has been informed to/ Báo cáo này đã được thông báo cho:

Company Representative or Master/ Đại diện công ty hoặc thuyền trưởng	☐
VRQC (Pham Thanh Truong, email: truongpt@vr.org.vn, fax: 04.37684720)	☐
	☐

5. Reported by/ Người báo cáo:

Date/ Ngày:

Signature & Stamp/ Ký, đóng dấu:

CHECKLIST

DANH MỤC KIỂM TRA

Surveyor:	Date:	Signature
Technical / Kỹ thuật	Deficiencies details/ Chi tiết khiếm khuyết	Kiểm tra Check
Combination of deficiencies, that together indicates that the maintenance system is not effectively implemented/ <i>Kết hợp các khiếm khuyết cùng với nhau chỉ ra rằng hệ thống bảo dưỡng không có hiệu lực thực hiện.</i>	VD: Bảo dưỡng tàu không có kế hoạch, không có hồ sơ bảo dưỡng, tàu không được cấp vật tư (sơn, mỡ), không có bằng chứng bảo dưỡng ...	☐
Poor condition of hull, main deck, closing appliances, railings, ladders/ <i>Tình trạng kém của vỏ tàu, mặt boong chính, các thiết bị đóng, tay vịn, thang.</i>	VD: Không	☐
Defective/ missing fire fighting and life saving appliances, oil pollution prevention equipment/ <i>Hư hỏng / mất các trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, chống ô nhiễm.</i>	VD: Mất phao bè cứu sinh mạn phải	☐
Leaks and oil in E/R spaces, pump-rooms etc/ <i>Rò rỉ dầu trong buồng máy, buồng bơm ...</i>		☐
Deficiencies should not be reported, when/ <i>Các khiếm khuyết không cần báo cáo khi:</i> - they are considered normal wear and tear for the ship type and age and/ <i>chúng được coi là các hao mòn tự nhiên bình thường dựa trên tuổi và loại tàu.</i> - there is evidence that deficiencies are being dealt with adequately by the Company including the personnel working on board/ <i>có bằng chứng các khiếm khuyết này đang được xử lý triệt để bởi công ty bao gồm cả những người làm việc trên tàu.</i>		
Documentation / Tài liệu	Deficiencies details/ Chi tiết khiếm khuyết	Kiểm tra Check
Expired classification or statutory certificates or certificates not endorsed as required/ <i>Các GCN phân cấp hoặc theo luật hết hạn hoặc không được xác nhận theo quy định</i>		☐
Overdue surveys, overdue audits or overdue conditions of class/ <i>Quá hạn các loại hình kiểm tra, đánh giá, kiểm tra tình trạng phân cấp.</i>		☐
Ship's copy of Document of Compliance (DOC) not valid or not relevant to ship type/ <i>Bản sao DOC không còn hiệu lực hoặc không liên quan tới loại tàu.</i>		☐
Original Safety Management Certificate (SMC) has incorrect data or endorsements missing/ <i>Bản gốc SMC sai thông số hoặc mất phần xác nhận.</i>		☐
Emergency response plans and relevant SOPEP manual not available (contact points ashore should be current and corresponding with Company name / address on DOC and SMC)/ <i>Các kế hoạch đối phó khẩn cấp và các phần liên quan tới sơ tay SOPEP không có trên tàu (chi tiết liên lạc được cập nhật và phù hợp với tên và địa chỉ công ty ghi trên DOC/ SMC).</i>		☐
Entries for relevant drills etc. in Log Book not completed in accordance with mandatory requirements/ <i>Các cuộc thực tập không được ghi chép vào nhật ký theo các quy định bắt buộc.</i>		☐
Incorrect or missing entries in the Oil Record Book/ <i>Không ghi hoặc ghi không đúng vào nhật ký dầu.</i>		☐
Fire Plan not up to date/ <i>Không cập nhật sơ đồ kiểm soát cháy.</i>		☐
Operational / Hoạt động tàu	Deficiencies details/ Chi tiết khiếm khuyết	Kiểm tra Check
Accidents and hazardous occurrences not reported to the Company/ <i>Các tai nạn và tình huống nguy hiểm không được báo cáo về công ty</i>		☐
Crew not able to satisfactorily conduct practical demonstrations of shipboard operations, such as starting the fire pump, emergency generator, lifeboat engine, etc/ <i>Thuyền viên không có khả năng thực hiện các tác nghiệp theo yêu cầu như khởi động bơm cứu hỏa, khởi động máy phát sự cố, khởi động máy xuống cứu sinh ...</i>		☐

[illegible]

Đăng kiểm viên/ Surveyor
(Ký tên, đóng dấu/ Signature and stamp)